

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2022/DS-PT
Ngày 08 - 6 - 2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
ranh giới giữa các bất động sản liền kề

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chế Linh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hải

Bà Phan Thị Hồng Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06, 08 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp quyền sử dụng đất, ranh giới giữa các bất động sản liền kề.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DSST ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 123/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Thành Đ, cư trú tại: phường T, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy H, cư trú tại: phường T, quận M, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/4/2022).

- Bị đơn: Ông Lê Thanh N, cư trú tại: phường T, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn U, cư trú tại: phường T, quận M, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01/8/2018).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy H, cư trú tại: phường T, quận M, thành phố Cần Thơ.

2. Bà Nguyễn Thị Đ1, cư trú tại: phường T, quận M, thành phố Cần Thơ.

3. Ông Phạm Huỳnh T, cư trú tại: phường T, quận M, thành phố Cần Thơ.

4. Bà Nguyễn Thị Thúy H1, cư trú tại: phường T, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của bà H1: Ông Lê Văn U, cư trú tại phường T, quận M, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01/8/2018).

5. Ủy Ban nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Việt S. Chức vụ: Chủ tịch.

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Thành Đ là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/4/2018, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án - nguyên đơn ông Phạm Thành Đ trình bày:

Ngày 16/7/1999, ông Phạm Văn U1 (sinh năm 1937 - mất năm 2018) là cha ruột anh Phạm Thành Đ được Công ty X (nay là Công ty TNHH X) giao nền tái định cư số 100, diện tích 300m², theo biên bản giao nền số 32/GNTC.99. Ngày 20/7/2005 ông Phạm Văn U1 làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ); Đến ngày 15/5/2006 ông Phạm Văn U1 được UBND quận M cấp GCNQSDĐ số H01624, đứng tên Hộ ông Phạm Văn U1. Năm 2017, anh Phạm Thành Đ được ông U1 tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất trên, được Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ quận Ô Môn xác nhận thay đổi ngày 07/9/2017.

Giáp ranh với đất của anh Đ là đất của anh Lê Thanh N. Vào khoảng tháng 7/2017, lợi dụng việc vợ chồng anh Đ thường xuyên đi làm vắng nhà nên anh N đã xây dựng hàng rào dọc theo chiều dài thửa đất, lấn qua đất của anh Đ theo Trích đo địa chính số 39/TTKTTNMT ngày 16/7/2019 thể hiện: Thửa đất số 771, ông Lê Thanh N đứng tên GCNQSDĐ nhưng ông Phạm Thành Đ đang quản lý sử dụng. Thửa đất số 772, anh Phạm Thành Đ đứng tên GCNQSDĐ nhưng anh Lê Thanh N đang quản lý sử dụng. Diện tích đất lấn chiếm ngang (0,25m + 0,4m) x dài (32,8m + 32,85m) = 10,6m².

Do khi giao nhận nền tái định cư trên, các gia đình vô cát nhà ở và không hay việc sử dụng nhằm thửa đất, dẫn đến việc anh Đ và anh N nhận tặng cho quyền sử dụng đất nhầm thửa nhau. Do đó, anh Phạm Thành Đ khởi kiện và kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Yêu cầu buộc ông Lê Thanh N phải trả lại diện tích đất lấn chiếm ngang (0,25m + 0,4m) x dài (32,8m + 32,85m) = 10,6m² và yêu cầu tháo dỡ hàng rào trên đất.

2. Yêu cầu công nhận quyền sử dụng cho anh tại thửa 771, diện tích 300m² ODT, tờ bản đồ số 5. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận số H01624 đã cấp đối với thửa 772 và cấp lại giấy chứng nhận tại thửa đất 771 mà anh đang quản lý sử dụng.

- Bị đơn anh Lê Thanh N có người đại diện ông Lê Văn U trình bày:

Gia đình ông bị ảnh hưởng dự án mở rộng khu công nghiệp Trà Nóc đợt 5a, 5b nên được cấp nền tái định cư diện tích 300m². Đến ngày 14/7/2005 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 300m² thửa 771, tờ bản đồ số 5, theo GCNQSDĐ số H00823, đứng tên hộ ông Lê Văn U. Đến ngày 18/5/2017 hộ ông Lê Văn U tặng cho quyền sử dụng đất này cho anh Lê Thanh N. Phần đất này gia đình anh N sử dụng ổn định không ai tranh chấp.

Theo trích đo địa chính số 39/TTKTTNMT ngày 16/7/2019 hiện trạng đất các bên đang quản lý sử dụng đúng như phía anh Đ trình bày. Phần diện tích đất tranh chấp ngang (0,25m + 0,4m) x dài (32,8m + 32,85m) = 10,6m² là phần đất thuộc quyền sử dụng của anh N, gia đình sử dụng phần đất này từ khi nhận nền tái định cư đến nay, không lấn ranh sang phần đất anh Đ. Do đó, anh Đ khởi kiện yêu cầu anh N trả lại phần đất này thì anh N không đồng ý.

Do khi nhận nền tái định cư được giao thì hộ ông Phạm Văn U nhận nền xây nhà trước, ông Lê Văn U nhận nền xây dựng nhà sau, và hiện nay hai bên đã sử dụng nền tái định cư nhầm thửa với nhau, dẫn đến việc anh Đ và anh N nhận tặng cho quyền sử dụng đất nhầm thửa nhau. Trong quá trình sử dụng đất, anh Đ có xây dựng căn nhà có phần máng nước lấn trên không qua đất của anh N là khối bê tông cốt thép (sê nô) diện tích 2,4m x 1,1m x 0,3 = 0,792m². Nay, anh Lê Thanh N yêu cầu phản tố:

1. Yêu cầu buộc anh Đ phải tháo dỡ phần xây dựng lấn chiếm cụ thể theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/4/2019 là khối bê tông cốt thép (sê nô) diện tích 2,4m x 1,1m x 0,3 = 0,792m².

2. Yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho anh N tại thửa 772, diện tích 300m², tờ bản đồ số 05. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận số H00823 đã cấp đối với thửa 771 và cấp lại giấy chứng nhận cho anh N theo thửa đất thực tế anh đang sử dụng.

- Ông Lê Văn U đại diện chị Nguyễn Thị Thúy H1 trình bày:

Thông nhất với yêu cầu của anh N, chị không có ý kiến gì và không có yêu cầu gì trong vụ án.

- Chị Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

Thông nhất với yêu cầu của anh Đ. Do đất anh Đ được nhận tặng cho riêng nên chị không có ý kiến gì và không có yêu cầu gì liên quan trong vụ án. Đối với căn nhà trên đất do chị và anh Đ xây dựng, và xây trên đất anh Đ được cấp giấy chứng nhận, không đồng ý tháo dỡ sê nô theo yêu cầu của bị đơn.

Do hòa giải không thành nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu công nhận quyền sử dụng cho anh tại thửa 771, đủ diện tích 300m² ODT, tờ bản đồ số 5, nếu phân sê nô anh xây dựng ngoài giấy đất đồng ý tháo dỡ. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận số H01624 đã cấp đổi với thửa 772 và cấp lại giấy chứng nhận theo thửa đất 771 mà anh đang quản lý sử dụng.

Đại diện bị đơn - ông Lê Văn U trình bày: Yêu cầu anh Đ phải tháo dỡ khối bê tông cốt thép (sê nô) diện tích 2,4m x 1,1m x 0,3 = 0,792m². Yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng cho anh N tại thửa 772, tờ bản đồ số 05 đủ diện tích 300m² và hủy giấy chứng nhận số H00823 đã cấp đổi với thửa 771 và cấp lại giấy chứng nhận cho anh N theo thửa đất thực tế anh đang sử dụng.

Trong quá trình xét xử, Hội đồng xét xử sơ thẩm có công văn số 59/2022/CV-TA ngày 28/02/2022 đề nghị Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường xác định lại loại đất tranh chấp tại Trích đo số 39/TTKTTNMT ngày 16/7/2019. Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường có Bản trích đo số 13/TTKTTNMT ngày 02/3/2022 thay thế bản trích đo số 39/TTKTTNMT ngày 16/7/2019, các bên đương sự thống nhất căn cứ bản trích đo số 13/TTKTTNMT ngày 02/3/2022 làm cơ sở giải quyết hồ sơ vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DSST ngày 03 tháng 3 năm 2022, Tòa án nhân dân quận Ô Môn đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và một phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

1. Anh Phạm Thành Đ được quyền quản lý, sử dụng đất tại thửa đất số 771, tờ bản đồ 05, diện tích 300m², loại đất thổ cư, đất tọa lạc xã T, huyện M, thành phố Cần Thơ (nay là khu vực H, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ), có kích thước ngang (10,3m + 9,6m) x dài (30,18 m + 30,05m) = 300m², theo Bản trích đo địa chính số 13/TTKTTNMT ngày 02/3/2022 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường, Sở Tài nguyên Môi trường thành phố Cần Thơ (đính kèm).

2. Bác yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Thành Đ đối với anh Lê Thanh N, về việc yêu cầu buộc anh Lê Thanh N phải trả lại diện tích đất lấn chiếm ngang (0,25m + 0,4m) x dài (30.05m + 30.04m) = 9,6m² và yêu cầu tháo dỡ hàng rào trên đất, do không đủ cơ sở.

3. Anh Lê Thanh N được quyền sử dụng đất tại thửa đất số 772, tờ bản đồ 05, diện tích 300m² [bao gồm: thửa 772 diện tích 290,4m² + đất tại vị trí (A) là 9,6m²], loại đất thổ cư, đất tọa lạc phường T, quận M, thành phố Cần Thơ (nay là khu vực H, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ) theo Bản trích đo địa chính số 13/TTKTTNMT ngày 02/3/2022 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường, Sở Tài nguyên Môi trường thành phố Cần Thơ (đính kèm).

Anh Phạm Thành Đ và anh Lê Thanh N có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ Bản án của Tòa án cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Phạm Thành Đ và anh Lê Thanh N theo quy định pháp luật.

4. Buộc anh Phạm Thành Đ và chị Nguyễn Thị Thúy H phải tháo dỡ phần xây dựng lấn chiếm trên không là khối bê tông cốt thép (sê nô) diện tích $2,4\text{m} \times 1,1\text{m} \times 0,3 = 0,792\text{m}^2$ (vị trí theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/4/2019 và ngày 12/9/2018 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ).

5. Về chi phí xem xét, thẩm định nguyên đơn phải chịu chi phí là 8.087.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ và đã chi xong.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Phạm Thành Đ phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 001991 ngày 21/6/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Anh Lê Thanh N phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 005537 ngày 01/8/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 15 tháng 3 năm 2022, nguyên đơn cho rằng bản án sơ thẩm đã giải quyết không khách quan gây thiệt hại quyền lợi của nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Lê Thanh N tháo dỡ hàng rào và giao trả cho nguyên đơn phần diện tích $9,6\text{m}^2$ mà bị đơn đã lấn chiếm với các kích thước đã nêu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn không thống nhất nội dung kháng cáo. Các bên không thương lượng được việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Hoạt động tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, qua phân tích các tình tiết, sự kiện của vụ án, quy định pháp luật liên quan, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy các bên tranh chấp quyền sử dụng đất, ranh giới giữa các bất động sản liền kề. Tòa án nhân dân

quận Ô Môn giải quyết là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại khoản 9 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ đơn kháng cáo và trình bày của các bên tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ giải quyết phần yêu cầu kháng cáo là tranh chấp diện tích 9,6m². Diện tích này đã được thể hiện trong Bản trích đo địa chính số 13/TTKTTNMT ngày 02/3/2022 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ. Các vấn đề khác của án sơ thẩm, các đương sự đã thống nhất và không nêu trong yêu cầu kháng cáo nên không xem xét.

[3] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho các bên cho thấy các thửa 771 và 772, tờ bản đồ số 5 được cấp cho các bên, mỗi thửa có diện tích được cấp là 300m², loại ODT. Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là tài liệu pháp lý quan trọng nhưng không ghi nhận kích thước của các cạnh. Căn cứ Bản trích đo địa chính số 13/TTKTTNMT ngày 02/3/2022 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ thì thửa 772 có diện tích 290,4m², loại ODT. Thửa 772 có diện tích 300m², loại ODT. Trong đó, nguyên đơn đang thực tế sử dụng thửa 771 là đủ diện tích 300m². Bị đơn đang thực tế sử dụng thửa 772 có diện tích 290,4m² loại ODT, thiếu 9,6m², phần thiếu này chính là phần đang tranh chấp. Do vậy, việc nguyên đơn đòi thêm phần 9,6m² này là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là đúng pháp luật.

[4] Việc cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bên là đúng trình tự thủ tục và nội dung. Do các bên đã sử dụng nhầm thửa của nhau nên việc yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ chấp nhận. Vấn đề này, các bên đã có yêu cầu chuyển đổi thực tế và Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận, các bên không có kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không điều chỉnh. Các bên được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm, do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Công nhận cho ông Phạm Thành Đ được quyền quản lý, sử dụng đất tại thửa đất số 771, tờ bản đồ 05, diện tích 300m², loại đất thổ cư, đất tọa lạc xã T, huyện M, thành phố Cần Thơ (nay là khu vực H, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ), có kích thước ngang (10,3m + 9,6m) x dài (30,18 m + 30,05m) =

300m², theo Bản trích đo địa chính số 13/TTKTTNMT ngày 02/3/2022 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ (đính kèm).

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thành Đ về việc yêu cầu buộc ông Lê Thanh N tháo dỡ hàng rào và trả lại diện tích đất lấn chiếm ngang (0,25m + 0,4m) x dài (30.05m + 30.04m) = 9,6m² (vị trí (A) theo Bản trích đo địa chính số 13/TTKTTNMT ngày 02/3/2022 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn:

- Ông Lê Thanh N được quyền sử dụng đất tại thửa đất số 772, tờ bản đồ 05, diện tích 300m² [bao gồm: Thửa 772 diện tích 290,4m² + đất tại vị trí (A) là 9,6m²], loại đất thổ cư, đất tọa lạc phường T, quận M, thành phố Cần Thơ (nay là khu vực H, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ) theo Bản trích đo địa chính số 13/TTKTTNMT ngày 02/3/2022 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ.

- Buộc ông Phạm Thành Đ và bà Nguyễn Thị Thúy H phải tháo dỡ phần xây dựng lấn chiếm trên không là khối bê tông cốt thép (sê nô) diện tích 2,4m x 1,1m x 0,3 = 0,792m² (vị trí theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/4/2019 và ngày 12/9/2018 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ).

3. Không chấp nhận yêu cầu của các bên về việc yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho các bên trong vụ án.

4. Ông Phạm Thành Đ và ông Lê Thanh N có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 95 của Luật đất đai.

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ Bản án của Tòa án cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Thành Đ và ông Lê Thanh N theo quy định tại khoản 6 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định: Nguyên đơn phải chịu 8.087.000 đồng và đã nộp xong.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Thành Đ phải nộp 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 001991 ngày 21/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ, coi như nguyên đơn đã nộp xong.

Ông Lê Thanh N phải nộp số tiền 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 005537 ngày 01/8/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ, coi như bị đơn đã nộp xong.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0003287 ngày 04/4/2022 do Chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn thành án phí, coi như nguyên đơn đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. TPCT;
- TAND quận Ô Môn;
- THADS quận Ô Môn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Chế Linh